TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA AN** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 14/2024/QĐST-HNGĐ	*Hòa An, ngày 27 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc "*Ly hôn*" giữa:

- Nguyên đơn: Ông Hứa Phan H; sinh năm: 1976

- Bị đơn: Bà Lê Thị T; sinh năm: 1979

Cùng địa chỉ: Xóm H1, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Hứa Phan H và bà Lê Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Ông Hứa Phan H và bà Lê Thị T nhất trí tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông H và bà T cùng thừa nhận vợ chồng có 03 (ba) con chung là Hứa Thị H1 (sinh ngày 10/5/1999), Hứa Phan Thị V (sinh ngày 11/01/2001), Hứa Thị N (sinh ngày 27/11/2008). Công nhận sự thoả thuận giữa ông H và bà T về việc sau khi ly hôn, đối với cháu Hứa Thị H1 và cháu Hứa Phan Thị V đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đối với cháu Hứa Thị N, ông H sẽ là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông H và bà T về việc bà T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Ông H và bà T cùng thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ chung.

- Về án phí: Ông H và bà T mỗi người phải chịu 75.000đ (Bẩy mươi năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước cho việc thuận tình ly hôn. Ông H tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự bao gồm cả phần của bà T với tổng số tiền là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001387 ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Nay, ông H được hoàn lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hoà An;
- CCTHADS huyện Hoà An;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- UBND xã Đ;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Dong